TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2017.
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ

2. Bà Dương Thị Diễm Sương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre: Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 197/2017/TLST-HN ngày 16 tháng 6 năm 2017 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐXXST-HN ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Yến N, sinh năm 1979, có mặt.

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1981, vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre – Phòng giao dịch huyện M.

Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn N1 – Giám đốc.

Ông N1 ủy quyền cho anh Lê Phạm Minh K – Phó Giám đốc, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 05/7/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2017 và trong quá trình xét xử; nguyên đơn chị Trần Thị Yến N trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước chị và anh Lê Văn D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M1 (nay là huyện M), vào ngày 17/12/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh D thường hay uống rượu, đập phá đồ đạc trong nhà, thường có hành động mài dao hăm dọa chị và có khi còn đánh chị. Ngoài ra anh D nhậu say sẽ mở nhạc to, khiến cho con không thể học bài. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh D có 01 con chung tên Lê Trần Thanh D1, sinh ngày 02/3/2005, hiện nay con đang sống chung với chị. Nay ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi. Hiện nay chị đang làm nghề giữ trẻ, nhà có thu nhập ổn định từ vườn dừa nên thu nhập của chị đủ để nuôi con.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Anh chị có nợ Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre – Phòng giao dịch huyện M số tiền 19.500.000 đồng gồm 8.000.000 đồng tiền vay để xây nhà tình thương và 11.500.000 đồng tiền vay để chăn nuôi. Hai khoản nợ này chị tự nguyện trả không yêu cầu anh D cùng trả với chị.

Bị đơn anh Lê Văn D vắng mặt vào các lần mời của Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không ghi nhận được lời trình bày của anh D.. Tòa án đã ra thông báo giao nộp chứng cứ yêu cầu anh D cung cấp văn bản trình bày ý kiến về việc chị N xin ly hôn và yêu cầu Tòa giải quyết những vấn đề về nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn nhưng anh D không có cung cấp cho Tòa văn bản trình bày ý kiến của mình. Ngày 19/6/2017, Tòa án đến nhà anh D để lấy lời khai của anh D nhưng anh D vắng mặt tại nhà nên Tòa án đã lập biên bản không lấy được lời khai của anh D.

Tại bản tự khai ngày 05/7/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre – Phòng giao dịch huyện M do ông Lê Phạm Minh K là đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 17/12/2010, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M phê duyệt cho hộ bà Trần Thị Yến N vay vốn để xây nhà ở thuộc chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167 với số tiền 8.000.000 đồng theo mã món vay số 6000005500133536, thời hạn vay 120 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 17/12/2020, lãi suất cho vay 0,25%/tháng, nợ gốc được phân kỳ trả 12 tháng/lần, số tiền trả mỗi lần là 1.600.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 17/12/2016.

Ngày 09/10/2015, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M phê duyệt cho hộ bà Trần Thị Yến N vay vốn để nuôi bò sinh sản thuộc chương trình cho vay hộ nghèo với số tiền 15.000.000 đồng theo mã món vay số 6600000705694310, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/9/2018, lãi suất cho vay 0,55%/tháng, nợ gốc được phân kỳ trả 12 tháng/lần, số tiền trả mỗi lần là 5.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 09/9/2016. Đến nay hộ vay đã trả nợ gốc cho Ngân hàng với số tiền là 3.500.000 đồng, như vậy hộ vay còn nợ gốc số tiền là 11.500.000 đồng.

Tại buổi làm việc ngày 05/7/2017 trong vụ án xin ly hôn giữa chị Trần Thị Yến N và anh Lê Văn D thì chị Trần Thị Yến N chấp nhận trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M với số tiền gốc của hai món vay trên là 19.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh nên Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp thì Ngân hàng sẽ khởi kiện trong một vụ kiện khác.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 05/7/2017 cháu Lê Trần Thanh D1 trình bày như sau:

Hiện cháu đang sống với mẹ, nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Theo cháu mẹ có đầy đủ điều kiện đảm bảo nhu cầu học tập, vật chất, tinh thần cho cháu. Vì lý do bận đi học nên cháu xin được vắng mặt vào các lần mời của Tòa.

Tại biên bản xác minh ngày 27/6/2017, ông Nguyễn Thanh V là Trưởng ấp Đ cung cấp nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của chị N và anh D như sau:

Chị N và anh D sau khi kết hôn sống ở gia đình chồng đến năm 2003 thì vợ chồng về nhà cha mẹ ruột chị N ở T sống cho đến nay. Trong quá trình chung sống với nhau thời gian đầu anh D cũng có nhậu về chửi vợ, quậy phá nhưng ít. Thời gian từ năm 2005 đến nay thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn ngày càng lớn hơn, anh D thường xuyên nhậu về kiếm chuyện với chị N dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau, anh D đánh đập chị N, đập phá đồ đạc, bàn ghế, nhà cửa. Chị Ncó báo với chính quyền địa phương để hòa giải nhưng anh D vẫn không thay đổi. Khi anh D đi nhậu về còn mở nhạc lớn không cho con học bài, chị N khuyên thì anh D bỏ đi nhậu về quậy vợ con.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đảm bảo, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật cụ thể vắng mặt vào các lần mời của Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N; Về con chung:

chị N trực tiếp nuôi cháu Lê Trần Thanh D1, sinh ngày 02/3/2005, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu; Tài sản chung: Không có nên không đề cập, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Đối với bị đơn anh Lê Văn D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên Tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp.

Đối với đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là anh Lê Phạm Minh K có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 05/7/2017 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Trần Thị Yến N và anh Lê Văn D là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2005 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh D thường xuyên đi nhậu về nhà đập phá đồ đạc, có hành động bạo lực đánh đập và đe dọa chị N. Mỗi lần nhậu về thì vợ chồng anh chị thường hay cự cãi nhau nhiều. Chị N đã nhiều lần báo với chính quyền địa phương để hòa giải, khuyên răn anh D nhưng anh D vẫn không thay đổi. Ngoài ra, sau khi nhậu về anh D còn mở nhạc to, không để cho con có không gian yên tĩnh học hành. Tại biên bản xác minh ngày 27/6/2017, ông Nguyễn Thanh V là Trưởng ấp Đ, xã T, huyện M cũng xác định trong quá trình chung sống anh D thường xuyên nhậu và có những hành vi bạo hành gia đình như lời trình bày của chị N. Chị N cũng có báo với chính quyền địa phương để hòa giải nhưng anh D vẫn không thay đổi. Anh D vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh D đến Tòa để tham gia hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh D vẫn vắng mặt không lý do chứng minh anh không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Và tại phiên tòa chị N cương quyết được ly hôn với anh D vì không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị N và anh D có một con chung tên Lê Trần Thanh D1, sinh ngày 02/3/2005, hiện đang sống với chị N. Nay ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh Dvắng mặt vào các lần mời của Tòa nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, tại biên bản lấy ý kiến ngày 05/7/2017 thì cháu D1 trình bày nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ, theo cháu mẹ có đầy đủ

điều kiện đảm bảo nhu cầu học tập, vật chất, tinh thần cho cháu. Xét thấy, cháu D1 hiện đang sống với chị N và hiện tại chị N đang làm nghề giữ trẻ, nhà có vườn dừa thu nhập của chị đủ điều kiện để đảm bảo trực tiếp nuôi cháu D1 nên để cháu D1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu D1. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì việc chị N không yêu cầu cấp dưỡng là sự tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[4] *Về chia tài sản:*

Về tài sản chung: Theo chị N trình bày là vợ chồng anh chị không có, anh D đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án tuy nhiên anh không có ý kiến hay yêu cầu, tranh chấp gì. Do đó không có căn cứ để xác định anh chị có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Chị N trình bày chị và anh D có nợ Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre – Phòng giao dịch huyện M số tiền 19.500.000 đồng. Hai khoản nợ này chị tự nguyện trả không yêu cầu anh D cùng trả với chị. Anh D đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án tuy nhiên anh không có ý kiến hay yêu cầu, tranh chấp gì. Ngân hàng cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí:* Chị Trần Thị Yến N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp với nhận định của Tòa nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Yến N.

Chị Trần Thị Yến N được ly hôn với anh Lê Văn D.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Yến N trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Trần Thanh D1, sinh ngày 02/3/2005. Anh Lê Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Yến N không có yêu cầu cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành

vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: chị Trần Thị Yến N phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008554 ngày 16/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKS nhân dân huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Kim Sang